

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/DS-PT
Ngày 10-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Nguyễn Văn Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:** Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Cẩm H, sinh năm 1961 (có mặt); Địa chỉ: số 48 đường Nguyễn Thị Nhỏ (đường số 3 cũ), khu phố B1, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Ông Võ Tấn B, sinh năm 1953; Địa chỉ: số 467 Quốc lộ 1, khu phố B2, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Tấn H, sinh năm 1975 (có mặt); Địa chỉ: số 467 Quốc lộ 1, khu phố B2, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/6/2020).

- **Người kháng cáo:** Ông Võ Tấn B, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Cẩm H trình bày:

Bà và ông Võ Tấn B là chỗ bà con thông gia trong nhà nên ông B có đến nhà nhờ bà đi vay dùm ông để mua đất và mở thêm tiệm thuốc Bắc, giấy nợ không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Các lần vay tiền đều có ghi biên nhận cụ thể như sau:

- Ngày 09/6/2009 AL vay 170.000.000đ.
- Ngày 27/7/2009 AL vay 100.000.000đ.
- Ngày 15/12/2009 AL vay 140.000.000đ.
- Ngày 21/12/2009 Al vay 240.000.000đ.

Tổng cộng là 650.000.000đ. Ông B trả lãi được 45.600.000đ, ông B đã trả lãi được từ tháng 7 đến tháng 12 AL năm 2009. Từ thời gian đó đến nay ông B không tiếp tục trả lãi. Bà đã gặp ông B đòi lại số tiền gốc và lãi nhiều lần nhưng ông B cứ hẹn kéo dài đến nay. Bà H yêu cầu ông B trả cho bà số tiền gốc là 650.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật theo từng thời điểm. Tại phiên Tòa, bà H đồng ý cản trừ số tiền lãi ông B đã trả cho bà 45.600.000đ vào số tiền gốc của khoản vay ngày 27/7/2009 từ tháng 12/2009 âm lịch.

Bị đơn ông Võ Tấn B do ông Võ Tấn HI đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Võ Tấn B thừa nhận năm 2009 ông có vay của bà H số tiền 100.000.000đ vay không có lãi. Hai bên có thỏa thuận ông B sẽ trả dần cho bà H mỗi tháng 10.000.000đ. Ông B xác định có ký tên và lấn tay vào biên nhận mượn tiền đối với số tiền 100.000.000đ. Ông B xác định đã trả cho bà H được 45.600.000đ. Ông B xác định chỉ còn nợ bà H 54.400.000đ. Đối với biên nhận nợ ghi ngày 09/6/2009 AL vay số tiền 170.000.000đ ông B xác định có ký nhưng là bà H nói ký trước rồi bà H sẽ đưa tiền hốt hụi sau (do bà H nói sẽ chơi hụi dùm ông B) nhưng thực ra ông B không có nhận số tiền này; Đối với 02 giấy nợ ngày 15/12/2009 AL vay số tiền 140.000.000đ và giấy nợ ngày 21/12/2009 AL vay số tiền 240.000.000đ, ông B xác định không có ký tên trong giấy nợ, ông B xác định các chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay trong 02 giấy nợ ngày 15/12/2009 AL và ngày 21/12/2009 AL không phải của ông B. Ông B chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 54.400.000đ và đồng ý trả lãi theo qui định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố T căn cứ Điều 5; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 6; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Lê Cẩm H đối với ông Võ Tấn B.

2. Buộc ông Võ Tấn B trả cho bà Lê Cẩm H số tiền gốc là 604.400.000đ và tiền lãi là 545.776.400đ. Tổng cộng gốc và lãi là 1.150.176.400 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; chi phí giám định; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 10/12/2019, ông Võ Tấn H1 đại diện cho ông Võ Tấn B làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử: ông B chỉ trả cho bà H số tiền còn nợ 54.400.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H không rút đơn khởi kiện; ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: ông B không thừa nhận có nhận 170.000.000đ của biên nhận nợ ghi ngày 09/6/2009 AL nhưng chỉ là lời trình bày, không có gì chứng minh trong khi ông đã ký vào biên nhận này nên xác định ông B có nhận 170 triệu đồng. Đối với giấy nợ ngày 15/12/2009 AL vay 140.000.000đ, giấy nợ ngày 21/12/2009 AL vay 240.000.000đ, ông B xác định không có ký tên trong 2 giấy nợ nhưng kết quả giám định xác định chữ viết, chữ ký của ông B nên xác định ông B có nhận số tiền này. Với chứng cứ trên, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của bà H là có cơ sở, ông B kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Võ Tấn B kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà H 54.400.000đ và khoản lãi theo qui định pháp luật tại biên nhận nợ ngày 27/7/2009 AL vay 100.000.000đ.

[2] Ông B xác định có ký tên và lặn tay vào biên nhận nợ ngày 27/7/2009 AL vay 100.000.000đ, đã trả được 45.600.000đ nên chỉ còn nợ 54.400.000đ; bà H cũng xác nhận lời thừa nhận này của ông B là sự thật nên cấp sơ thẩm xử buộc ông B trả số tiền này cùng khoản lãi với mức lãi 0,75%tháng là phù hợp.

[3] Đối với biên nhận nợ ghi ngày 09/6/2009 AL vay số tiền 170.000.000đ ông B xác định có ký nhưng không nhận số tiền này, xét đây chỉ là lời trình bày của ông B mà không có gì chứng minh trong khi ông đã ký vào biên nhận này nên cấp sơ thẩm xác định ông B có nhận 170 triệu đồng và xử buộc ông B trả số tiền này cùng khoản lãi với mức lãi 0,75%tháng là có căn cứ.

[4] Đối với 2 giấy nợ ngày 15/12/2009 AL vay 140.000.000đ, giấy nợ ngày 21/12/2009 AL vay 240.000.000đ, ông B xác định không có ký tên trong giấy nợ, ông B xác định các chữ ký, chữ viết và dấu lặn tay trong 02 giấy nợ này không phải của ông. Tuy nhiên, kết quả giám định xác định chữ viết, chữ ký của

ông B trong 2 giấy nợ này nên cấp sơ thẩm xác định ông B có nhận 140.000.000đ và 240.000.000đ và xử buộc ông B trả 2 khoản tiền này cùng khoản lãi với mức lãi 0,75%/tháng là có căn cứ.

[5] Với những chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, ông B kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ phúc thẩm.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Tấn B;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố T.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Lê Cẩm H đối với ông Võ Tấn B.

Buộc ông Võ Tấn B trả cho bà Lê Cẩm H số tiền gốc là 604.400.000đ và tiền lãi là 545.776.400đ. Tổng cộng gốc và lãi là 1.150.176.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

2. Về chi phí giám định: ông Võ Tấn B phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 12.900.000đ. Bà Lê Cẩm H đã tạm ứng số tiền chi phí giám định là 2.400.000đ nên ông B phải trả cho bà H 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng); phần chi phí giám định còn lại ông B đã nộp xong.

3. Về án phí sơ phúc thẩm:

Ông Võ Tấn B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Cẩm H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 8.125.000đ (tám triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số

018847 ngày 09/02/2012 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc